

Nghị quyết số: 83 /2025/UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động
của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết và Quy chế được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết số 929/2015/NQ-UBTVQH13 ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIÁM SÁT THẨM PHÁN QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 83/2025/UBTVQH15
ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia (sau đây gọi là Hội đồng); trình tự, thủ tục xem xét, tuyển chọn đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán; hoạt động giám sát và bảo vệ Thẩm phán; bảo đảm hoạt động của Hội đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Hội đồng

1. Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công làm Phó Chủ tịch Hội đồng theo nhiệm kỳ 01 năm 01 lần. Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chấm dứt tư cách Phó Chủ tịch Hội đồng khi kết thúc nhiệm kỳ được phân công, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác khác hoặc do sức khỏe, vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ủy viên Hội đồng chấm dứt tư cách Ủy viên khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác khác hoặc do sức khỏe, vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao là Thẩm phán Tòa án nhân dân, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh chấm dứt tư cách Ủy viên theo quy định tại khoản này hoặc Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ định chức danh khác làm Ủy viên Hội đồng.

Trường hợp Ủy viên Hội đồng không công tác tại Tòa án mà có căn cứ chấm dứt tư cách Ủy viên theo quy định tại khoản này thì cơ quan, tổ chức nơi Ủy viên Hội đồng công tác có văn bản thông báo với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và cử đại diện lãnh đạo khác tham gia Hội đồng để Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thay đổi Ủy viên Hội đồng.

Điều 3. Hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định Danh sách Ủy viên Hội đồng

1. Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định Danh sách Ủy viên Hội đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.
2. Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
3. Văn bản cử đại diện lãnh đạo tham gia Hội đồng của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.
4. Sơ yếu lý lịch và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được cử tại khoản 3 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

1. Hoạt động theo Quy chế này và quy định của pháp luật; phải độc lập, khách quan, giữ bí mật công tác và chịu trách nhiệm trước Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng, thảo luận và biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung phiên họp của Hội đồng. Trường hợp không thể tham dự phiên họp thì phải báo cáo lý do với Chủ tịch Hội đồng.

Điều 5. Phiên họp của Hội đồng

1. Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần. Hội đồng có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng hoặc theo đề nghị của ít nhất hai phần ba Ủy viên Hội đồng.
2. Phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất hai phần ba thành viên Hội đồng có mặt. Quyết định của Hội đồng được thông qua tại phiên họp của Hội đồng và phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành.

Trường hợp thành viên Hội đồng không tham gia phiên họp của Hội đồng nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi đến Hội đồng trước ngày tổ chức phiên họp của Hội đồng, trong đó ghi rõ ý kiến về các vấn đề thuộc nội dung phiên họp thì ý kiến bằng văn bản đó được công bố tại phiên họp của Hội đồng.
3. Phiên họp tuyển chọn để đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được tiến hành chậm nhất 02 tháng trước ngày khai mạc kỳ họp của Quốc hội.
4. Tài liệu phiên họp định kỳ của Hội đồng được gửi cho các thành viên chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày tiến hành phiên họp. Việc gửi tài liệu phiên họp đột xuất của Hội đồng cho các thành viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể:

- a) Mời đại diện cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan tham dự phiên họp của Hội đồng và phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết;
- b) Yêu cầu người được xem xét, tuyển chọn đề nghị bổ nhiệm; xem xét đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán đến phiên họp để giải trình hoặc trả lời những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

Điều 6. Chế độ báo cáo hoạt động của Hội đồng

1. Hằng năm, Chủ tịch Hội đồng báo cáo cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của Hội đồng.
2. Báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của Hội đồng.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT TUYỂN CHỌN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC THẨM PHÁN

Điều 7. Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét tuyển chọn đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán

1. Chủ tịch Hội đồng khai mạc và chủ trì phiên họp.
2. Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng trình bày báo cáo về hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán.
3. Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.
4. Đại diện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 5 của Quy chế này phát biểu ý kiến hoặc trả lời những câu hỏi của thành viên Hội đồng theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng.
5. Chủ tịch Hội đồng có thể quyết định tạm dừng việc xem xét đối với hồ sơ đề nghị có nội dung chưa rõ ràng hoặc có khiếu nại, tố cáo mà đa số các thành viên Hội đồng xét thấy cần thiết phải tiến hành bổ sung hoặc xác minh làm rõ.
6. Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

Điều 8. Hồ sơ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hồ sơ trình gồm có tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; dự thảo nghị quyết của Quốc hội; biên bản phiên họp của Hội đồng; nghị quyết của Hội đồng; các tài liệu của hồ sơ nhân sự đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Quy chế này và các tài liệu có liên quan khác.

Điều 9. Hồ sơ trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân.

Hồ sơ trình gồm có tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; biên bản phiên họp của Hội đồng; nghị quyết của Hội đồng; các tài liệu của hồ sơ nhân sự đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11 của Quy chế này và các tài liệu có liên quan khác.

Điều 10. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán

1. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

- a) Đơn tình nguyện làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- b) Bản tự kiểm điểm của người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- c) Biên bản và kết quả phiếu lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức đối với người được đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- d) Hồ sơ về nhân sự trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán Tòa án nhân dân gồm có:

- a) Đơn tình nguyện làm Thẩm phán Tòa án nhân dân (đối với trường hợp bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân);
- b) Sơ yếu lý lịch;
- c) Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);
- đ) Văn bản công nhận kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân (đối với trường hợp bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân);

e) Bản tự kiểm điểm của người được đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán Tòa án nhân dân;

g) Đánh giá, nhận xét của cấp ủy có thẩm quyền nơi công tác;

h) Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú;

i) Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ đảng;

k) Bản đánh giá, nhận xét của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức;

l) Biên bản và kết quả phiếu lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức đối với người được đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán Tòa án nhân dân;

m) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp.

Các tài liệu quy định tại các điểm b, c, g, h, k và m của khoản này được làm trước không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét.

Điều 11. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán

1. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 107 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân gồm:

a) Đơn đề nghị miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân, trong đó nêu rõ lý do của việc đề nghị miễn nhiệm Thẩm phán;

b) Các tài liệu chứng minh lý do đề nghị miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (nếu có);

c) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

2. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng xem xét đề nghị cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân gồm:

a) Bản tự kiểm điểm của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

b) Biên bản họp xét kỷ luật đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hành vi vi phạm kỷ luật của Hội đồng kỷ luật;

c) Các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (nếu có);

d) Quyết định kỷ luật của người hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (nếu có);

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

Trường hợp Thẩm phán không làm bản tự kiểm điểm thì hồ sơ gồm có các tài liệu quy định tại các điểm b, c, d và đ của khoản này.

3. Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng đề nghị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định.

4. Đối với Thẩm phán đương nhiên được miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 107 hoặc đương nhiên bị cách chức theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì không phải lập hồ sơ đề nghị Hội đồng xem xét. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trường hợp Thẩm phán đương nhiên được miễn nhiệm, bị cách chức khi có yêu cầu.

Chương III

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ BẢO VỆ THẨM PHÁN CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 12. Nội dung giám sát của Hội đồng

1. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán và những việc Thẩm phán không được làm theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và luật có liên quan.

2. Việc tuân thủ Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán, lối sống của Thẩm phán.

3. Việc phân bổ biên chế, kinh phí, nguồn lực cho các Tòa án nhân dân.

Điều 13. Chương trình giám sát của Hội đồng

1. Hội đồng quyết định chương trình giám sát định kỳ hằng năm, giám sát đột xuất theo đề nghị của thành viên Hội đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Căn cứ chương trình giám sát đã được thông qua, Hội đồng thông báo cho Tòa án, cơ quan, tổ chức có liên quan biết.

Hội đồng phân công thành viên Hội đồng thực hiện các nội dung trong chương trình và báo cáo kết quả với Hội đồng.

2. Tổ giúp việc của Hội đồng giúp Hội đồng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

Điều 14. Các hoạt động giám sát của Hội đồng

1. Xem xét báo cáo của Thẩm phán, Chánh án Tòa án, thủ trưởng đơn vị có liên quan về những nội dung theo yêu cầu trong chương trình giám sát của Hội đồng.

2. Tổ chức Đoàn giám sát.

Điều 15. Xem xét các báo cáo theo chương trình giám sát

1. Hội đồng yêu cầu Thẩm phán báo cáo bằng văn bản về những nội dung theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Quy chế này; yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản về những nội dung giám sát quy định tại Điều 12 của Quy chế này. Hội đồng có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan báo cáo.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xác minh làm rõ những nội dung trong báo cáo.

2. Hội đồng xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng trình bày báo cáo tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan về nội dung giám sát; kết quả xác minh (nếu có);

b) Thẩm phán, cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát trình bày ý kiến khi được yêu cầu;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận;

đ) Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

Điều 16. Xem xét kiến nghị liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán

1. Tổ giúp việc của Hội đồng tiếp nhận văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến Hội đồng, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

2. Đối với kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định việc chuyển kiến nghị cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết kiến nghị có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết với Hội đồng.

Đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xác minh, làm rõ nội dung kiến nghị trong trường hợp cần thiết và báo cáo Hội đồng.

3. Chủ tịch Hội đồng tổ chức xem xét kiến nghị theo trình tự sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng trình bày báo cáo tổng hợp nội dung các kiến nghị, kết quả xác minh và tài liệu có liên quan (nếu có);

- b) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận;
- c) Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

4. Trường hợp xác định kiến nghị về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán có căn cứ thì Hội đồng đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị.

Trường hợp xác định kiến nghị về khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán có căn cứ thì Hội đồng đề nghị cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị.

Trường hợp xác định kiến nghị không có căn cứ, Hội đồng có văn bản trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị.

Điều 17. Tổ chức Đoàn giám sát

1. Hội đồng quyết định thành lập Đoàn giám sát theo chương trình giám sát của Hội đồng hoặc theo yêu cầu của thành viên Hội đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Nghị quyết của Hội đồng về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát.

3. Nội dung, kế hoạch giám sát của Đoàn giám sát được thông báo cho cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát, Chánh án Tòa án, thủ trưởng đơn vị có liên quan chậm nhất là 15 ngày trước ngày Đoàn giám sát bắt đầu tiến hành giám sát.

4. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát trong nghị quyết về việc thành lập Đoàn giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát, Tòa án, đơn vị có liên quan báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình những vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

c) Xem xét, xác minh những vấn đề mà Đoàn giám sát thấy cần thiết;

d) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì Đoàn giám sát có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan xem xét, xử lý theo quy định pháp luật. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến Hội đồng;

đ) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải có báo cáo kết quả giám sát gửi Hội đồng xem xét, quyết định.

Điều 18. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát

Hội đồng xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

1. Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
2. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
3. Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

4. Hội đồng ra nghị quyết về nội dung được giám sát. Nghị quyết này được gửi tới cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 19. Thẩm quyền của Hội đồng trong việc xem xét kết quả giám sát

Căn cứ kết quả giám sát, Hội đồng có các quyền sau đây:

1. Trường hợp Thẩm phán có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa có kết luận xử lý của cơ quan có thẩm quyền thì Hội đồng yêu cầu Chánh án Tòa án, thủ trưởng đơn vị nơi Thẩm phán công tác tiến hành xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng;

2. Trường hợp Thẩm phán có hành vi vi phạm pháp luật và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các hình thức kỷ luật, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán theo quy định;

3. Yêu cầu người có thẩm quyền phân bổ biên chế, kinh phí, nguồn lực cho các Tòa án nhân dân theo đúng quy định;

4. Trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu hoặc đề nghị của Hội đồng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này, Hội đồng kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 20. Xem xét việc bảo vệ Thẩm phán

1. Thông qua hoạt động giám sát, nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Thẩm phán, Trưởng đoàn giám sát báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét đề kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, chấm dứt các hành vi xâm phạm.

2. Thông qua tiếp nhận văn bản đề nghị về việc bảo vệ Thẩm phán của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến Hội đồng, Tổ giúp việc của Hội đồng báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xác minh, làm rõ nội dung đề nghị.

3. Chủ tịch Hội đồng tổ chức xem xét việc bảo vệ Thẩm phán. Căn cứ các ý kiến của thành viên Hội đồng, Hội đồng ra nghị quyết và thực hiện các quy định của pháp luật để bảo vệ Thẩm phán, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện chính sách đối với Thẩm phán khi bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng vì lý do công vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời có văn bản trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị biết.

4. Hội đồng xem xét việc đề nghị xây dựng chế độ bảo vệ Thẩm phán, chính sách đối với Thẩm phán và xem xét những việc khác về bảo vệ Thẩm phán thuộc thẩm quyền của Hội đồng theo trình tự sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng trình bày báo cáo và tài liệu có liên quan (nếu có);

b) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận;

c) Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín;

d) Căn cứ nghị quyết của Hội đồng, Hội đồng đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết về chế độ bảo vệ Thẩm phán; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xây dựng, thực hiện chế độ, chính sách đối với Thẩm phán.

Chương IV

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 21. Tổ giúp việc của Hội đồng

1. Tổ giúp việc của Hội đồng là bộ phận đầu mối giúp việc thường trực của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Tổ giúp việc của Hội đồng gồm Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao là Tổ trưởng, các thành viên là đại diện lãnh đạo và một số công chức của đơn vị chức năng của Tòa án nhân dân tối cao, quân nhân là sĩ quan của Tòa án quân sự trung ương do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Điều 22. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện kinh phí hoạt động của Hội đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Chế độ, chính sách của các thành viên Hội đồng

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thành viên Hội đồng được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan, tổ chức có thành viên tham gia Hội đồng có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thành viên hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm giải quyết đề nghị, kiến nghị của Hội đồng, phối hợp với Hội đồng thi hành Quy chế này. 

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn